

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **971** /UBND-VX

Bình Định, ngày **13** tháng 3 năm 2015

V/v báo cáo số liệu để xây dựng quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030

Kính gửi:

- Các Trường Cao đẳng nghề, Cao đẳng chuyên nghiệp;
- Các Trường Trung cấp nghề, Trung cấp chuyên nghiệp;
- Các Trung tâm Dạy nghề;
- Các Trung tâm Giáo dục Thường xuyên- Hướng nghiệp;
- Các cơ sở sở đào tạo khác.

Thực hiện Công văn số 66/BLĐTBXH-TCĐN ngày 08/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Để có cơ sở, số liệu xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các trường, các trung tâm và cơ sở đào tạo khác báo cáo theo mẫu (đề cương gửi kèm).

Yêu cầu các trường, các trung tâm, và cơ sở đào tạo khác khẩn trương xây dựng báo cáo, gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (hoặc gửi qua email: daynghebinhdinh215@gmail.com) trước ngày 20/3/2015 để tổng hợp, xây dựng Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./. *TS*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: LĐTBXH, GDĐT, VH TTDL, NNPTNT, Y tế, GTVT; các hội Đoàn thể;
- Lưu: VT, K20. *me*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Thanh Thắng



ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

Biên bản Công văn số 971 /UBND-VX ngày 13/3/2015
(của UBND tỉnh Bình Định)

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2011-2014

1. Quy mô tuyển sinh

2.1. Kết quả tuyển sinh

Đối với trình độ cao đẳng; trung cấp; sơ cấp.

2.2. Năng lực cơ sở đào tạo

Năng lực đào tạo theo thiết kế của cơ sở đào tạo: *gồm các trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp.*

3. Đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý

3.1. Đội ngũ giáo viên, giảng viên (về số lượng, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, trình độ kỹ năng nghề, trình độ ngoại ngữ, tin học).

3.2. Cán bộ quản lý (về số lượng, trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học).

4. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

4.1. Cơ sở vật chất

Đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất gồm: diện tích đất, diện tích xây dựng (khu hiệu bộ, phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, thư viện, ký túc xá, nhà ăn, khu thể thao...) và mức độ đáp ứng so với yêu cầu.

4.2. Thiết bị đào tạo

Đánh giá thực trạng thiết bị đào tạo của các cơ sở đào tạo và mức độ đáp ứng so với yêu cầu.

5. Tổng kinh phí đầu tư

Tổng kinh phí đã đầu tư cho các cơ sở đào tạo để xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị đào tạo đến 31/12/2014 (nguyên giá và giá trị còn lại).

6. Hạn chế và nguyên nhân

- Hạn chế

- Nguyên nhân

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN ĐẾN NĂM 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Quy mô tuyển sinh

Xác định quy mô tuyển sinh theo các trình độ (*cao đẳng, trung cấp, sơ cấp*), theo lĩnh vực (*nông, lâm, ngư nghiệp; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ*).

2. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp

- Phát triển đội ngũ nhà giáo: về số lượng, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, trình độ kỹ năng nghề, trình độ ngoại ngữ, tin học;

- Phát triển đội ngũ cán bộ quản lý: về số lượng, trình độ đào tạo, trình độ ngoại ngữ, tin học.

3. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

- Tổng diện tích đất đã được giao;

- Tổng diện tích xây dựng (phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, khu hiệu bộ, thư viện, ký túc xá, nhà ăn, khu thể thao...);

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo.

4. Lộ trình và kinh phí thực hiện

4.1. Giai đoạn 2016 - 2020

- Nội dung.

- Kinh phí.

4.2. Giai đoạn 2020 - 2030

- Nội dung.

- Kinh phí.

*** Kiến nghị, đề xuất (nếu có)**